TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CÁI RĂNG
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 157/2024/DS-ST
Ngày 18/9/2024
V/v "*Tranh chấp hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CÁI RĂNG

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông **Phan Vũ Linh.**

- *Các Hội thẩm nhân dân*:

1/ Ông **Bùi Thanh Trí.**

2/ Ông **Phạm Văn Vĩ.**

- ***Thư ký phiên tòa*:** Bà **Nhâm Thị Thanh Trang –** Thẩm tra viên Tòa án nhân dân quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cái Răng tham gia phiên tòa*:** Ông **Tô Minh Phú** – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Cái Răng đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 20/2024/TLST-DS ngày 22/01/2024 về việc "*Tranh chấp hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất".*

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 296/2024/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà **Hồ Thị Hồng C**, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Số F, khu V, phường H, quận C, thành phố Cần Thơ.

Đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Ông **Nguyễn Thành T**, sinh năm 1982 (Văn bản uỷ quyền ngày 24/3/2023) (Có mặt).

Địa chỉ: Số F, khu V, phường H, quận C, thành phố Cần Thơ.

- *Bị đơn*:

1. Bà **Trần Thị Đ,** sinh năm 1960.

2. Ông **Hồ Thanh N**, sinh năm 1962.

Cùng địa chỉ: Số F, khu V, phường H, quận C, thành phố Cần Thơ.

Đại diện ủy quyền của bà Đ và ông N: Bà **Hồ Thị Thu T1,** sinh năm 1981 (Văn bản ủy quyền ngày 08/3/2023) (Có mặt).

Địa chỉ: Đường C, phường H, quận N, thành phố Cần Thơ.

Địa chỉ liên lạc: Số D, khu vực L, phường T, quận T, thành phố Cần Thơ.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Ông **Nguyễn Thành T**, sinh năm 1982 (Có mặt).

Địa chỉ: Số F, khu V, phường H, quận C, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Theo đơn khởi kiện (ngày 27/3/2024 của nguyên đơn bà Hồ Thị Hồng C) và trong quá trình giải quyết vụ án ông Nguyễn Thành T (đại diện uỷ quyền của nguyên đơn) trình bày và yêu cầu:* Trước đây ngày 10/6/2005 bà được ông Hồ Thanh N và bà Trần Thị Đ (cha mẹ ruột) đồng ý cho phần diện tích đất ruộng 500m^2, chiều ngang khoảng 20m, chiều dài khoảng 25m thuộc một phần của thửa đất số 55, tờ bản đồ số 10, toạ lạc tại khu vực 2, phường H, quận C, thành phố Cần Thơ. Trong tờ tặng cho đất thì ông N và bà Đ có cam kết là khi nào bà lớn lên và lập gia đình thì sẽ tách giấy cho phần diện tích nêu trên để đứng tên quyền sử dụng đất. Sau đó, phía ông N, bà Đ đã giao phần đất tặng cho để bà canh tác, sử dụng từ năm 2006 cho đến nay, hiện nay bà C trồng một số cây ăn trái trên phần đất này như dừa, mít, chuối.

Sau đó bà đã nhiều lần yêu cầu ông N, bà Đ thực hiện nội dung của việc tặng cho đất, nhưng phía bị đơn không đồng ý. Nay, bà khởi kiện yêu cầu công nhận Tờ tặng cho đất ngày 10/6/2005; công nhận cho bà được trọn quyền sử dụng phần đất có diện tích theo kết quả đo đạc thực tế là 464,5m^2 thuộc một phần của thửa đất số 55, tờ bản đồ số 10, toạ lạc tại khu vực 2, phường H, quận C, thành phố Cần Thơ.

* *Bà Hồ Thị Thu T1 (đại diện ủy quyền của bị đơn ông Hồ Thanh N, bà Trần Thị Đ) trình bày*: Ông N và bà Đ thừa nhận trước đây có cho con gái là bà Hồ Thị Hồng C một phần đất theo tờ tặng cho viết tay ngày 10/6/2005 với diện tích tặng phần đất ruộng 500m^2 có chiều ngang khoảng 20m, chiều dài khoảng 25m thuộc một phần của thửa đất số 55, tờ bản đồ số 10, toạ lạc tại khu vực 2, phường H, quận C, thành phố Cần Thơ, phần đất thửa đất số 55 trên có tổng diện tích theo giấy khoảng 1.300m^2. Sau khi tặng cho phía ông N, bà Đ đã giao phần đất này cho C quản lý, sử dụng cho đến nay, phần diện tích đất còn lại bị đơn đang quản lý sinh sống.

Do ngoài nguyên đơn thì phía bị đơn còn có một người con trai tên Hồ Thanh P, cho nên bị đơn muốn chia phần đất của thửa số 55 thành ba phần, trong đó một phần cho bà C, một phần cho ông P và một phần để bị đơn dưỡng già. Cho nên, qua yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì ông N, bà Đ thống nhất công nhận cho nguyên đơn diện tích 350m^2, còn diện tích 114.5m^2 còn lại thì trường hợp nguyên đơn muốn sử dụng thì trả cho bị đơn số tiền 70.000.000đ (Bảy mươi triệu đồng) (tương đương giá trị của phần diện tích đất 114.5m^2).

* *Ông Nguyễn Thành T (người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan) trình bày:* Ông T thống nhất với phần trình bày và yêu cầu của nguyên đơn, không có ý kiến gì thêm.

Có mặt tại phiên toà sơ thẩm, ông Nguyễn Thành T vẫn giữ phần trình bày và yêu cầu của nguyên đơn; bà Hồ Thị Thu T1 (đại diện uỷ quyền của bị đơn) có ý kiến đề nghị bà C hỗ trợ số tiền 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng) bị đơn sẽ thống nhất giao phần đất tranh chấp cho nguyên đơn trọn quyền sử dụng.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Về thủ tục tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử, cũng như tại phiên tòa hôm nay: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định về trình tự, thủ tục tố tụng. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền thụ lý giải quyết đúng quy định; Tòa án đã tiến hành thủ tục hòa giải, thu thập chứng cứ đúng trình tự, thủ tục quy định của pháp luật, không phát hiện vi phạm.

- Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án đúng quy định.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, công nhận nội dung của Tờ tặng cho đất ngày 10/6/2005 giữa nguyên đơn và bị đơn. Đối với quyền sử dụng đất thuộc thửa số 55, tờ bản đồ số 10, toạ lạc tại khu vực 2, phường H, quận C đã được Ủy ban nhân dân thành phố C (cũ) cấp quyền sử dụng cho bà Trần Thị Đ, theo quy định thì bà Đ có các quyền của người sử dụng đất, trong đó có quyền tặng cho. Xét về hình thức thì việc tặng cho đất giữa nguyên đơn và bị đơn là vi phạm về hình thức, cụ thể hai bên chỉ lập bằng giấy tay với nhau là chưa đúng quy định. Tuy nhiên, việc giao dịch giữa ông N và bà Đ tặng cho phần diện tích đất 500m^2 (diện tích đo đạc thực tế là 464.5m^2) cho bà C là trên cơ sở hoàn tự nguyện, mặt khác sau khi ký tặng cho thì phần diện tích đất này bị đơn đã giao cho nguyên đơn canh tác, sử dụng, trồng cây từ năm 2005 cho đến nay. Cho nên, đề nghị Hội đồng xét xử

chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, công nhận phần diện tích đất tranh chấp 464.5m^2 cho nguyên đơn bà C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Nguyên đơn Hồ Thị Hồng C cho rằng trước đây ngày 10/6/2005, được ông Hồ Thanh N và bà Trần Thị Đ tặng cho phần đất có diện tích 500m^2 thuộc một phần của thửa đất số 55, tờ bản đồ số 10, toạ lạc tại khu vực 2, phường H, quận C, bà đã nhận phần đất này và canh tác, sử dụng cho đến nay, sau đó bà đã nhiều lần yêu cầu ông N, bà Đ sang tên quyền sử dụng đất, nhưng bị đơn không đồng ý. Nay, bà khởi kiện yêu cầu công nhận Tờ tặng cho đất ngày 10/6/2005; công nhận cho bà được trọn quyền sử dụng phần đất có diện tích 464,5m^2, thuộc một phần của thửa đất số 55, tờ bản đồ số 10. Quan hệ tranh chấp trong vụ án được xác định là "*Tranh chấp hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất*", vụ việc được Tòa án nhân dân quận Cái Răng thụ lý giải quyết theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Xét yêu cầu của các đương sự*:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hồ Thị Hồng C, Hội đồng xét xử xét thấy:

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện, quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 55, tờ bản đồ số 10, có diện tích 1.392m^2, loại đất 2L, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 02627 do Ủy ban nhân dân thành phố C (cũ) cấp ngày 16/6/2003 cho bà Trần Thị Đ, đất toạ lạc tại ấp E, xã H, thành phố Cần Thơ (nay là khu V, phường H, quận C, thành phố Cần Thơ). Ngày 10/6/2005, bà Trần Thị Đ và ông Hồ Thanh N lập Tờ tặng cho đất cho con, theo đó có nội dung tặng cho bà Hồ Thị Hồng C phần đất có diện tích 500m^2 thuộc một phần của thửa đất số 55 (theo kết quả đo đạc thực tế là 464,5m^2).

Xét về hình thức của văn bản tặng cho đất giữa ông N, bà Đ với bà C, Hội đồng xét xử xét thấy: Quyền sử dụng đất thuộc thửa số 55, tờ bản đồ số 10, xét đây là tài sản chung của ông N và bà Đ, đã được cơ quan có thẩm quyền cấp quyền sử dụng, nên theo quy định ông N và bà Đ có các quyền của người sử dụng đất, trong đó có quyền tặng cho quyền sử dụng đất này cho người khác. Theo hồ sơ thể hiện ngày 10/6/2005, ông N và bà Đ đã lập Văn bản tặng cho

phần diện tích đất 500m^2 thuộc một phần của thửa đất số 55 cho người con gái là Hồ Thị Hồng C, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn có cung cấp Tờ tặng cho đất ngày 10/6/2005 (bản gốc) (BL 73). Tuy nhiên, giữa các bên chỉ lập văn bản bằng giấy tay với nhau mà không tiến hành công chứng, chứng thực là chưa tuân thủ đúng quy định về hình thức, cụ thể tại khoản 2 Điều 689 BLDS năm 2005 quy định "*Hợp đồng chuyển quyền sử dụng đất phải được lập thành văn bản, có công chứng, chứng thực theo quy định của pháp luật*".

Xét về nội dung của giao dịch, Hội đồng xét xử xét thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà C, bị đơn ông N, bà Đ đều thừa nhận có việc tặng cho bà C phần đất tranh chấp, việc tặng cho giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện. Mặt khác, sau khi được tặng cho bà C đã nhận phần đất tranh chấp tiến hành canh tác, sử dụng cho đến nay; đại diện uỷ quyền của bị đơn cũng thừa nhận đã giao phần đất này cho nguyên đơn sử dụng từ khi tặng cho đến nay (BL 37, 126, 133 và 141). Đồng thời, bị đơn cũng thống nhất giao phần đất đã tặng cho cho bà C tiếp tục sử dụng theo quy định.

Về diện tích đất tranh chấp: Theo Tờ tặng cho đất lập ngày 10/6/2005 thì phần đất bị đơn cho nguyên đơn là 500m^2, tuy nhiên theo kết quả đo đạc thực tế thể hiện tại Bản trích đo địa chính số: 194/VPĐKĐĐ ngày 12/6/2024 của Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố C xác định phần diện tích tranh chấp giữa các bên là 464,5m^2, trong quá trình giải quyết vụ án các bên đương sự đã thống nhất với diện tích đo đạc thực tế này.

Hội đồng xét xử xét thấy, giao dịch tặng cho quyền sử dụng đất giữa bên tặng cho là ông Hồ Văn N1, bà Trần Thị Đ với bên được tặng cho là bà Hồ Thị Hồng C đối với phần diện tích đất 500m^2 (diện tích đo đạc thực tế 464,5m^2) thuộc một phần của thửa đất số 55 do bà Trần Thị Đ đứng tên quyền sử dụng, là trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, bà C đã nhận tài sản này canh tác cho đến nay, các đương sự trong vụ án thống nhất tiếp tục thực hiện nội dung của giao dịch này, theo quy định tại Điều 129 của Bộ luật Dân sự năm 2015 "1. *Giao dịch dân sự đã được xác lập theo quy định phải bằng văn bản nhưng văn bản không đúng quy định của luật mà một bên hoặc các bên đã thực hiện ít nhất hai phần ba nghĩa vụ trong giao dịch thì theo yêu cầu của một bên hoặc các bên, Toà án ra quyết định công nhận hiệu lực của giao dịch đó; 2. Giao dịch dân sự đã được xác lập bằng văn bản nhưng vi phạm quy định bắt buộc về công chứng, chứng thực mà một bên hoặc các bên đã thực hiện ít nhất hai phần ba nghĩa vụ trong giao dịch thì theo yêu cầu của một bên hoặc các bên, Toà án ra quyết định công*

nhận hiệu lực của giao dịch đó. Trong trường hợp này, các bên không phải thực hiện việc công chứng, chứng thực". Theo quy định của pháp luật vừa viện dẫn thì mặc dù giao dịch tặng cho quyền sử dụng giữa nguyên đơn và bị đơn vi phạm về hình thức, nhưng về nội dung đã được các bên tự nguyện thực hiện nghĩa vụ với nhau, người được tặng cho bà C đã nhận phần tài sản và trực tiếp canh tác từ khi tặng cho đến nay. Theo văn bản số: 1855/UBND ngày 16/7/2024 của Ủy ban nhân dân quận C có nội dung "…*thời điểm hiện nay đương sự thực hiện thủ tục tách thửa và biến động chủ sử dụng theo nội dung bản án hoặc quyết định của Toà án hoặc quyết định của Toà án nhân dân đối với phần diện tích 464,5m^2, loại đất LUC thuộc một phần của thửa đất số 55, tờ bản đồ số 10 sẽ không thuộc phạm vi điều chỉnh và không áp dụng hạn mức tách thửa của Quyết định số 16/2022/QĐ-UBND ngày 26 tháng 5 năm 2022 của Ủy ban nhân dân thành phố C*" (BL 47). Từ những phân tích trên xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở và phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Xét ý kiến nại ra của bị đơn yêu cầu nguyên đơn phải đưa số tiền 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng), tại phiên toà đại diện uỷ quyền của nguyên đơn thống nhất với ý kiến này. Xét đây là nội dung tự nguyện thống nhất của các bên đương sự và phù hợp quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Riêng đối với phần cây trồng có trên phần đất tranh chấp, theo kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 22/4/2024 của Toà án nhân dân quận Cái Răng, gồm D có 02 cây loại A; Mít gồm 08 cây loại A, 31 cây loại B, 04 cây loại C, 02 cây loại D; chuối gồm 06 cây loại A, 07 cây loại B. Trong quá trình giải quyết vụ án, các đương sự khai thống nhất, toàn bộ cây trồng này là của bà C, các bên không tranh chấp, hơn nữa phần diện tích đất theo nhận định trên là công nhận cho bà C, nên không đặt ra xem xét, giải quyết đối với cây trồng này.

Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[4] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Số tiền là 6.310.000đ (Sáu triệu ba trăm mười nghìn đồng), nguyên đơn bà C tự nguyện chịu chi phí này. Bà C đã nộp tạm ứng trước và đã chi xong nên không phải nộp nữa.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Nguyên đơn bà Hồ Thị Hồng C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch số tiền là 3.000.000đ (Ba triệu đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0003201 ngày 17/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ. Bà C còn phải nộp số tiền án phí là 2.700.000đ (Hai triệu bảy trăm nghìn đồng).

Bị đơn ông Hồ Văn N1, bà Trần Thị Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch số tiền là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), do ông N1 và bà Đ thuộc diện người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên miễn phần án phí phải chịu cho ông N1, bà Đ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 157, 161, 165, 235, 264 và 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Các Điều 121, 122 và 689 của Bộ luật Dân sự năm 2005.

Các cứ các Điều 116, 117, 129 và 502 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ các Điều 105, 106 và 113 của Luật Đất đai năm 2003.

Căn cứ Điều 203 của Luật Đất đai năm 2013.

Căn cứ Điều 12, 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hồ Thị Hồng C.

- Công nhận Tờ tặng cho đất lập ngày 10/6/2005 giữa bên tặng cho là ông Hồ Văn N1, bà Trần Thị Đ với bên được tặng cho là bà Hồ Thị Hồng C.

Công nhận cho bà Hồ Thị Hồng C được trọn quyền sử dụng phần đất có diện tích 464,5m^2, thuộc một phần của thửa đất số 55, tờ bản đồ số 10, loại đất LUC, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02627 do Ủy ban nhân dân thành phố C (cũ) cấp ngày 16/6/2003 cho bà Trần Thị Đ, đất toạ lạc tại ấp E, xã H, thành phố Cần Thơ, tỉnh Cần Thơ (cũ) (nay là khu vực 2, phường H, quận C, thành phố Cần Thơ), được ký hiệu là A trong Bản trích đo địa chính số: 194/VPĐKĐĐ ngày 12/6/2024 của Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố C.

(Kèm theo Bản trích đo địa chính số: 194/VPĐKĐĐ ngày 12/6/2024 của Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố C).

Bà Hồ Thị Hồng C được liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục công nhận quyền sử dụng đất trên theo quy định và tự chịu các khoản phí, lệ phí có liên quan.

- Ghi nhận sự nguyện của bà Hồ Thị Hồng Chi T2 cho ông Hồ Thanh N, bà Trần Thị Đ số tiền 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bị đơn ông Hồ Thanh H, bà Trần Thị Đ có đơn yêu cầu thi hành án mà bà Hồ Thị Hồng C chưa thi hành án thì còn có nghĩa vụ trả lãi chậm thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Số tiền là 6.310.000đ (Sáu triệu ba trăm mười nghìn đồng), nguyên đơn bà C tự nguyện chịu chi phí này. Bà C đã nộp tạm ứng trước và đã chi xong nên không phải nộp nữa.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Nguyên đơn bà Hồ Thị Hồng C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch số tiền là 3.000.000đ (Ba triệu đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0003201 ngày 17/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ. Bà C còn phải nộp số tiền án phí là 2.700.000đ (Hai triệu bảy trăm nghìn đồng).

- Bị đơn ông Hồ Văn N1, bà Trần Thị Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch số tiền là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), do ông N1 và bà Đ thuộc diện người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên miễn phần án phí phải chịu cho ông N1, bà Đ.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền tự thỏa thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

* ***Nơi nhận***:

- TAND Tp . Cần Thơ;
- VKSND Q.Cái Răng;
- Chi cục THADS Q.Cái Răng.
- Các đương sự;
- Lưu HS.

Phan Vũ Linh